

Ngày 20 - tháng 7 năm 1996
Thính gửi: Bà Khúc Minh Thở
Hội gia đình tù nhân chính trị Việt Nam
P.O BOX Arlington VA 22205. 0635

Thưa bà:

Tôi tên: Bùi Chặng

Sinh năm: 1923

Chức vụ: Chánh văn phòng tòa hành chánh
Tỉnh Bình Định

Đi tập trung cải tạo ngày 24-4-1975

Được thả tự do ngày 11-2-1980

Hiện ngụ tại: Số nhà 02 Đường Võ văn Đồng

Thị trấn Phú Phong - Huyện Tây Sơn - Tỉnh Bình Định

Thính nhờ bà giúp đỡ một việc như sau:

Thính thưa bà: Tôi đã được quý văn phòng cho
xuất cảnh định cư ở Hoa Kỳ theo diện H.O 43. 998
những chi có tài và vô tài là nguyên thi như, như
năm 1928, được ra đi, còn các con của tôi trên
21 tuổi còn độc thân bị tử chôn: gồm 3 đứa.

Thưa bà cũng quý hội: thật là bất hạnh cho
các con tôi chẳng may bị tử chôn. Dù vậy các con tôi
vẫn tin tưởng chờ đợi ở chính sách nhân đạo của
chính phủ Hoa Kỳ là sẽ được cứu xét, nên tất cả
các con tôi, vẫn sống độc thân

May tôi viết thư này để trình bày về việc cũng bà
và quý hội biết cho hoàn cảnh của gia đình tôi.

Tôi và vô tôi may mắn thi lớn và sức khỏe lại yếu
hém. Thính mong bà can thiệp với văn phòng ODP
cho 3 đứa con của tôi được theo tôi định cư ở
Hoa Kỳ. Mong muốn nhận được sự giúp đỡ của Bà
và quý hội.

Thành thật biết ơn Bà cũng quý hội

. Đinh kèm bản sao

Thẻ IOM của Bùi Chặng H.O 43 - 998

Hồ chiến và giấy khai sinh Bùi Thị Mỹ 1962

Hồ chiến và giấy khai sinh Bùi Ngọc Trung 1967

Hồ chiến và giấy khai sinh Bùi Thị Huệ 1972.

Ngày 20 tháng 7 năm 1996

Người bình đồn

Đang
Bùi Chặng

PARENTS INFORMATION

Father's Name: Bùi Thằng Mother's Name: _____ L/M/F
No. of eligible Children: 03
Address in USA: _____
Phone: (H)(____) _____ (W)(____) _____
Status: Refugee: ✓; Widow: _____; Immigrant: _____
Date of ODP interview: _____ DD/MM/YY IV#: _____ HO#: 143-998

CHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Child name: Bùi Thị Mỹ L/M/F DOB: 22-06-62 DD/MM/YY
Address in Vietnam: 2 Võ Văn Dũng, Phường Phú Thới, Quận Tân Phú, Bình Dương
Sex: F Marital Status: S Marriage date: _____ DD/MM/YY
Spouse's Name: _____ (L/M/F) DOB: _____ DD/MM/YY
Father IV#: _____ No. Of Children: _____ Exit Permit: _____ LOI: _____

GRANDCHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Grandchild Name: _____ (L/M/F) DOB: _____ DD/MM/YY
Sex: _____ Grandfather IV#: _____

FINAL STATUS INFORMATION

Date of ODP Interview: _____ Date of Arrival: _____
Date of Denial: _____ Date of Appeal: _____

Date: _____ Initial: _____

PARENTS INFORMATION

Father's Name: _____ Mother's Name: _____ L/M/F

No. of eligible Children: _____

Address in USA: _____

Phone: (H)(____) _____ (W)(____) _____

Status: Refugee: _____; Widow: _____; Immigrant: _____

Date of ODP interview: _____ DD/MM/YY IV#: _____ HO#: _____

CHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Child name : Bui Ngoc Trung L/M/F DOB : 20-02-67 DD/MM/YY

Address in Vietnam: _____

Sex: _____ Marital Status: _____ Marriage date: _____ DD/MM/YY

Spouse's Name: _____ (L/M/F) DOB: _____ DD/MM/YY

Father IV#: _____ No. Of Children: _____ Exit Permit: _____ LOI: _____

GRANDCHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Grandchild Name: _____ (L/M/F) DOB: _____ DD/MM/YY

Sex: _____ Grandfather IV#: _____

FINAL STATUS INFORMATION

Date of ODP Interview: _____ Date of Arrival: _____

Date of Denial: _____ Date of Appeal: _____

Date: _____ Initial: _____

PARENTS INFORMATION

Father's Name: _____ Mother's Name: _____ L/M/F

No. of eligible Children: _____

Address in USA: _____

Phone: (H)(_____) _____ (W)(_____) _____

Status: Refugee: _____; Widow: _____; Immigrant: _____

Date of ODP interview: _____ DD/MM/YY IV#: _____ HO#: _____

CHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Child name : Bui Thi Thie L/M/F DOB : 02-04-72 DD/MM/YY

Address in Vietnam: _____

Sex: F Marital Status: S Marriage date: _____ DD/MM/YY

Spouse's Name: _____ (L/M/F) DOB: _____ DD/MM/YY

Father IV#: _____ No. Of Children: _____ Exit Permit: _____ LOI: _____

GRANDCHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Grandchild Name: _____ (L/M/F) DOB: _____ DD/MM/YY

Sex: _____ Grandfather IV#: _____

FINAL STATUS INFORMATION

Date of ODP Interview: _____ Date of Arrival: _____

Date of Denial: _____ Date of Appeal: _____

Date: _____ Initial: _____

TRÍCH LỤC
KHAI SANH

Số hiệu: 291



Ấu nhi (tên, họ)	BUI-THỊ-MỸ	
Phái	Con gái	- Quốc-tịch Việt-Nam
Sinh ngày, tháng, năm ngày hai mươi hai, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai (22-6-1962)		
Tại Khu-phố Phú-Phong xã Bình-phủ quận Bình-khê tỉnh Bình-định		
Cha (tên, họ)	BUI THẶNG	
Tuổi:	39 tuổi	
Nghề-nghiep:	Công	
Cư trú tại khu-phố Phú-phong xã Bình-phủ quận Bình-khê (Bình-định)		
Mẹ (tên, họ)	NGUYỄN-THỊ-NHƯ	
Tuổi:	34 tuổi	
Nghề-nghiep:	nông	
Cư trú tại khu-phố Phú-phong xã Bình-phủ quận Bình-khê (Bình-định)		
Vợ (chánh hay thứ)	VỢ CHÁNH	
Người khai: (tên, họ)	BUI- THẶNG	
Tuổi:	39 tuổi	
Nghề-nghiep:	Công	
Cư trú tại khu-phố Phú-phong xã Bình-phủ (Bình-khê, Bình-định)		
Ngày khai ngày bốn tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai (4-7-1962)		
Người chứng thứ nhất: (tên, họ)	BUI CHƯỜNG	
Tuổi	35 tuổi	
Nghề-nghiep:	thợ may	
Cư trú tại khu-phố Phú-Phong xã Bình-khê (Bình-khê, Bình-định)		
Người chứng thứ nhì: (tên, họ)	QUÁCH-THỊ-TRỢ	
Tuổi:	28 tuổi	
Nghề-nghiep:	nội-trợ	
Cư trú tại khu-phố Phú-Phong xã Bình-phủ (Bình-khê, Bình-định)		

Làm tại BÌNH-PHỦ

ngày 04 - 7 - 1962

Người khai,
ký tên BUI THẶNG

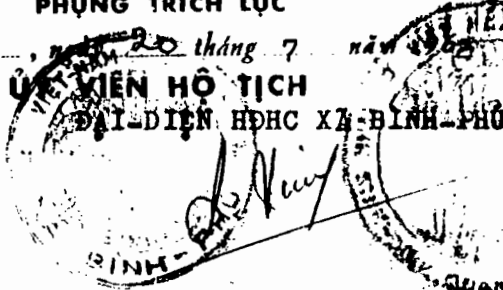
Hộ lại,
ký tên Đặng Viên

Nhân chứng,
Ký tên Bùi-Chường
ký tên Quách-thị-Trợ

PHỤNG TRÍCH LỤC

BÌNH-PHỦ

ỦY VIÊN HỒ TỊCH
ĐẠI DIỆN HÒCH XÃ BÌNH-PHỦ



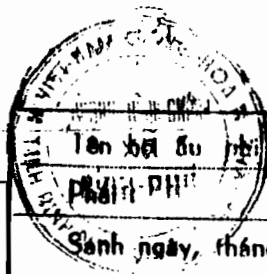
ĐẶNG-VIÊN

Đặng Viên
Bình phũ

20-7-62

KHAI SINH

Số hiệu 202



BUI THI-HUỆ

NỮ

Sinh ngày, tháng, năm ngày Hai, tháng Tư, năm Một ngàn chín
trăm bảy mươi hai (02/4/1972)

Tại : Ấp Phú-phong, xã Bình-phú, quận Bình-khê, Bình-định

Tên họ Cha : Bùi-Thắng

Tuổi : 49 tuổi

Nghề nghiệp : Công chức

Cư trú tại : Khu-phố Trung-hiếu Thị xã Qui-nhơn

Tên họ Mẹ : Nguyễn thi-Mỹ

Tuổi : 44 tuổi

Nghề nghiệp : Nội trợ

Cư trú tại : Khu-phố Trung-hiếu, Thị xã Qui-nhơn

Vợ (chánh hay thứ) : Chánh thất

Tên họ người khai : Bùi-Thắng

Tuổi : 49 tuổi

Nghề nghiệp : Công-chức

Cư trú tại : Khu phố Trung-hiếu, thị xã Qui-nhơn

Ngày khai : Ngày Bảy, tháng Tư, năm Một ngàn chín trăm bảy
mười hai (07/4/1972)

Tên họ người chứng thứ nhất : Nguyễn-Chu

Tuổi : 35 tuổi

Nghề nghiệp : Nông

Cư trú tại : Ấp Phú-thọ, xã Bình-phú, quận Bình-khê, B.định

Tên họ người chứng thứ nhì : Nguyễn-Dạt

Tuổi : 45 tuổi

Nghề nghiệp : Nông

Cư trú tại : Ấp Phú-thọ, xã Bình-phú, quận Bình-khê, B.định

Sinh tại nhà in LƯU-TRÁI 724, Pháo đài Châu, QUINHO.

Làm tại Bình-phú, ngày 2 tháng 4 năm 1972

HỘ-LẠI.

NHÂN CHỨNG.

NGƯỜI KHAI

Ký tên: Bùi-Thắng

Ký tên: Võ-Quận (và dấu)

Ký tên: Nguyễn-Chu
Ký tên: Nguyễn-Dạt

PHỤNG TRÍCH LỤC

Bình-phú ngày 7 tháng 4 năm 1972

Ủy viên Hộ lại

KHAI SANH

Âu nhi :
(Tên, họ)

BUI-NGOC-TRUNG

Phối : con trai ; Quốc-tịch : Việt-Nam

Sanh ngày, tháng năm : ngày hai mươi tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (20-2-1967)

Tại Phú-phong xã Bình-phú quận Bình-khê tỉnh Bình-định

Cha :
(Tên, họ)

Bui-Thặng

Tuổi :

44 tuổi

Nghề nghiệp :

công-chức

Cư trú tại : xã Bình-phú quận Bình-khê tỉnh Bình-định

Me :
(Tên, họ)

Nguyễn-thị-Nhũ

Tuổi :

39 tuổi

Nghề-nghiệp :

Nội-trợ

Cư trú tại : xã Bình-phú quận Bình-khê tỉnh Bình-định

Vợ (chánh hay thứ) :

Vợ chánh

Người khai :
(Tên, họ)

Bui-Thặng

Tuổi :

44 tuổi

Nghề-nghiệp :

công-chức

Cư trú tại : xã Bình-phú quận Bình-khê tỉnh Bình-định

Ngày khai : Ngày sáu tháng ba năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (6-3-1967)

Người chứng thứ nhất :
(Tên, họ)

Nguyễn-ngọc-Chân

Tuổi :

35 tuổi

Nghề - nghiệp :

Nông

Cư trú tại : Phú-hiệp xã Bình-phú quận Bình-khê (Bình-định)

Người chứng thứ nhì :
(Tên, họ)

Tô Tông

Tuổi :

40 tuổi

Nghề-nghiệp :

Nông

Cư trú tại : Phú-hiệp xã Bình-phú quận Bình-khê tỉnh Bình-định

Lập tại : Bình-Phú ngày 06-3- năm 1967

Họ-lai.

Nhân chứng.

Người khai,
ký tên: Bui-Thặng

ký tên: Trần-minh-Nhật

ký tên: Ng.ngọc-Chân
: Tô Tông

PHONG TRÍCH LỤC

Bình-phú ngày 6 tháng 3 năm 1967

Chức-tên UBND kiêm Hộ-tích
xã Bình-phú

BÌNH-ĐỊNH

Trần-minh-Nhật

CHỨNG NHẬN

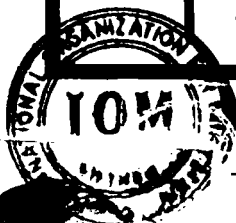
Chức-tên của ông Trần-minh-Nhật, Chủ-tịch UBND xã Bình-Phú Bình-khê, ngày 7 tháng 3/1967
Hội-Chánh-Trưởng Bình-khê
Quận-Trưởng

Nguyễn-ngọc-Chân

HO



100



BUL DIA AUG

02 AUG 1952



HWS 992

THI THANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº

PT

03.590/94

ĐINH CHU

Họ và tên / Full name

BUI THI MY

Ngày sinh / Date of birth

1962

Nơi sinh / Place of birth

Bình Định

Chỗ ở / Domicile

Bình Định

Nghề nghiệp / Occupation

Chiều cao / Height

Vết tích đặc biệt khác / Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

18.01.1990

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 18 tháng 01 năm 1994

Issued at on
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

(Signature)

Nguyễn Xuân Long

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỊ CHỮ — REMARKS



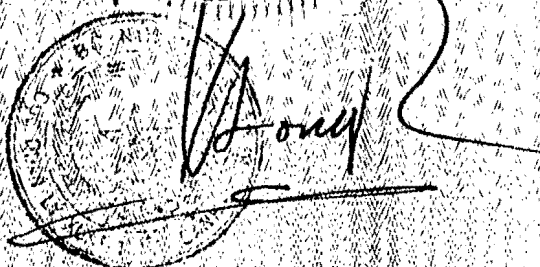
THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 590 XCấp cho Ban Thị MỹCung cấp lưu ởĐến hạn: Đến hạnQuốc tịch: Việt NamTrước ngày: 18.7.1994Hôm nay ngày 18 tháng 01 năm 1994

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Phong



Nguyễn Xuân Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 02.591/94

DINH CHU

Φ

091 y6

Dennis: *[scribbles]*

Quảng Nam

10/18/94

Hà Nội ngày 18 tháng 04 năm 1994

CỤC QUẢN LÝ THUẬT KHẨU CÁN BỘ

Trung phòng



Nguyễn Xuân Long

2

Ho và tên *Full Name*

BUI NGOC TRUNG

Ngày sinh / Date of birth

1967

Not sinh Place of birth

呂 鴻 昌 啟

Chỗ ở *Domicile*

Nghe nghiệp Occupation

Chiều cao : *Height*

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

4
Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

18.01.1999

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC GIA
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 18 tháng 01 năm 1994

Issued at

on

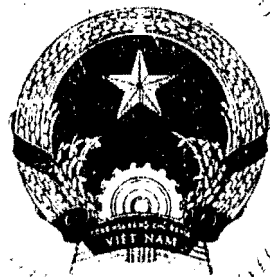
TỤC QUAN LÝ VIỆT NAM CẢNH

Phòng phòng



Nguyễn Xuân Phong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº

PT

03.593/94

ĐINH CƯ

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 593 XC
 Cấp cho Bm Thi Hne
 Công vụ trả am
 Đến nước Hợp chủng quốc Việt Nam
 Chức vụ khác
 Từ ngày 18-7-1994
 Hết ngày 18 tháng 01 năm 1994

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Văn Long

2

Họ và tên Full name

BUI THI HUE

Ngày sinh Date of birth

1972

Nơi sinh Place of birth

Bình Định

Chỗ ở Domicile

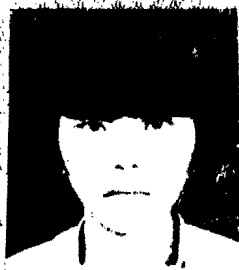
Bình Định

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs

3



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

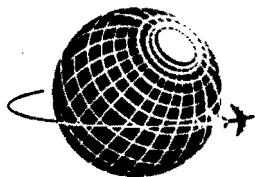
18. 01. 1999

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC GIA
ALL COUNTRIES

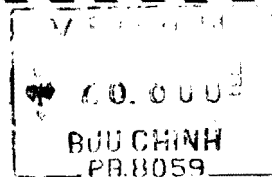
Cấp tại Hà Nội ngày 18 tháng 01 năm 1994
Issued at HÀ NỘI on 18 01 1994
CỤC QUẢN LÝ KHẨT NIỆM CÁN BỘ
T. Tổng phòng

[Signature]
Nguyễn Xuân Long



**PAR AVION
VIA AIR MAIL**

PAR AVION



TO : Bà Khắc Minh Thu'
P.O. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205, 0635
U. S. A.

FROM : Bùi Thặng
H0. 43/998